TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/DS-ST
Ngày: 11-8-2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:
T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.
Các hội T nhân dân:
1. Ông: Sơn Thanh Huyền.
2. Ông: Nguyễn Văn Cơ Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ T công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: 1/ Chị **Huỳnh Thị Tuyết H2** – sinh năm 1974 (vắng mặt)
2/ Ông **Hà Ngọc T** – sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Từ năm 2020, chị H là chủ thảo hụi có chị Huỳnh Thị Tuyết H2 tham gia hụi viên, chị H2 có tham gia nhiều dây hụi. Sau khi chị H2 hốt hụi xong, còn thiếu tiền hụi chết của chị H nên chị H2 có nhờ chị H vay tiền dùm để chị H2 có tiền đóng hụi chết cho chị H.

Vào ngày 20/3/2022, chị H2 có đến tìm chị H nhờ hỏi vay số tiền là 80.000.000đồng, chị H đồng ý. Đến ngày 25/3/2022, chị H cho chị H2 vay số tiền vốn là 80.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 40.000.000đồng thì lãi là

3.200.000đ/tháng (chỉ thỏa thuận miệng), mục đích vay để chị H2 có tiền đóng tiền hụi chết cho chị H. Khi vay có làm tờ thỏa thuận số tiền vay là 84.000.000đồng là tính tiền vốn 80.000.000đ và lãi là 4.000.000đồng do chị H2 trực tiếp ký tên và nhận tiền. Thỏa thuận mỗi tháng chị H2 trả cho chị H 20.000.000đ trong vòng 04 tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, chị H2 không có đóng tiền hụi chết còn nợ chị H, cũng không trả tiền vay, không trả vốn và lãi cho chị H.

Chị H nhiều lần đến nhà tìm chị H2 và cH chị H2 là ông Hà Ngọc T thì vợ cH chị H2, ông T hứa sẽ trả dần cho tôi nhưng đến nay vẫn không trả. Vào thời điểm chị H2 vay tiền, giữa chị H2 và ông T là quan hệ vợ cH, ông T biết sự việc chị H2 vay tiền của chị H. Hiện nay, chị H2 và ông T đã ly hôn.

Nay chị H yêu cầu chị Huỳnh Thị Tuyết H2 và ông Hà Ngọc T phải trả số tiền nợ vay vốn là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tổng cộng vốn và lãi là 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng).

** Tại bản khai ý kiến ngày 11/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết H2 trình bày:*

Chị H2 thừa nhận chị là hụi viên do chị H là chủ thảo của nhiều dây hụi. Sau khi lãnh hụi chị H2 còn nợ tiền hụi chết của chị H nên có nhờ chị H hỏi vay dùm số tiền 80.000.000đ, mục đích để đóng tiền hụi chết cho chị H thì chị H đồng ý. Khi vay có làm tờ thỏa thuận ngày 25/3/2022 do chị H2 trực tiếp ký tên, hứa mỗi tháng trả cho chị H 20.000.000 trong vòng 4 tháng, thỏa thuận lãi với số tiền 10.000.000đ sẽ đóng lãi 2.000.000đ/tháng (chỉ thỏa thuận miệng).

Từ khi vay cho đến nay chị H2 có trả được một số tiền lãi cho chị H nhưng không nhớ là bao nhiêu, không có làm biên nhận.

Chị H có nhiều lần đến tìm chị H2 và cH là ông Hà Ngọc T để yêu cầu trả nợ, ông T cũng biết số nợ này. Chị H2 và ông T hứa sẽ trả dần cho chị H. Sau đó, khoảng vài tháng chị H2 và ông T làm thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Nay chị H yêu cầu chị H2 phải trả số tiền nợ vay vốn là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tổng cộng vốn và lãi là 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng) thì chị H2 đồng ý nhưng xin trả dần vì hiện không có khả năng.

** Đối với bị đơn ông Hà Ngọc T:*

Ông Hà Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được T tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị và chị Huỳnh Thị Tuyết H2, ông Hà Ngọc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc T quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn ông Hà Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, chị H2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, chị H2.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị H yêu cầu chị H2 và ông T phải trả số tiền vốn là 80.000.000đ và tiền lãi 4.000.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 84.000.000đ.

Chị H2 thừa nhận có vay của chị H số tiền 80.000.000đ, mục đích để đóng tiền hụi chết, hai bên có làm tờ thỏa thuận vào ngày 25/3/2022, chữ ký trong tờ thỏa thuận đúng là của chị H2. Nay chị H2 đồng ý trả số tiền vay theo yêu cầu của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T đã được triệu tập hợp lệ để có ý kiến về việc chị H yêu cầu chị H2 và ông T trả số tiền nợ vay. Tuy nhiên, ông T không nộp ý kiến hay chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của chị H.

Xét, chị H2 trình bày vào thời điểm chị vay tiền của chị H thì giữa chị và ông T vẫn là quan hệ vợ cH hợp pháp. Ông T biết khoản nợ của chị H2 với chị H. Khi chị H đến tìm chị H2 và ông T yêu cầu trả nợ thì ông T cũng đồng ý và hứa sẽ trả dần cho chị H. Đến khoảng vài tháng sau, chị H2 và ông T ly hôn. Do đó, chị H yêu cầu ông Hà Ngọc T cùng có trách nhiệm trả nợ với chị H2 là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình và Điều 471 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc chị H2 và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay là vốn là 80.000.000đ và tiền lãi 4.000.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 84.000.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ T: Buộc chị H và ông T mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ T là 2.100.000đ.

Chị H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết H2 và ông Hà Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ vay vốn là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 4.000.000đ (bốn triệu đồng), tổng cộng vốn và lãi là 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ T:

Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết H2 và ông Hà Ngọc T mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ T là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ T. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0009340, ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Quốc Hiếu

Phạm Thị Lanh